

## NHỮNG NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM TUẦN 19 NĂM HỌC 2025 - 2026

### I. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC TUẦN 18:

Thực hiện chương trình tuần 18.

Duy trì tốt mọi nề nếp và đảm bảo an toàn hoạt động của nhà trường.

Làm tốt công tác vệ sinh trường lớp, VSMT.

**Tổ chức kiểm tra cuối học kì 1, kết quả như sau**

KHỐI	Tổng số học sinh tham gia KT	ĐIỂM TIẾNG VIỆT													
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	Điểm trung bình	Tỉ lệ trên TB (%)	Tỉ lệ điểm 7 trở lên (%)	Tỉ lệ điểm 9,10 (%)
1	180	2					3	2	17	63	93	9.26	98.9	97.2	86.7
2	176			5	3	7	7	16	33	74	31	8.27	95.5	87.5	59.7
3	189		1	1	2	5	7	24	35	69	45	8.46	97.9	91.5	60.3
4	157		2		2	5	5	14	49	60	20	8.26	97.5	91.1	51
5	193						9	22	79	74	9	8.27	100	95.3	43
<b>TỔNG</b>	<b>895</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>6</b>	<b>7</b>	<b>17</b>	<b>31</b>	<b>78</b>	<b>213</b>	<b>340</b>	<b>198</b>	<b>8.51</b>	<b>98</b>	<b>92.6</b>	<b>60.1</b>

KHỐI	Tổng số học sinh tham gia KT	ĐIỂM TOÁN													
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	Điểm trung bình	Tỉ lệ trên TB (%)	Tỉ lệ điểm 7 trở lên (%)	Tỉ lệ điểm 9,10 (%)
1	180	1	1	1			1	3	20	68	85	9.19	98.3	97.78	85.00
2	176		2	2	7	14	17	32	37	40	25	7.61	93.8	76.14	36.93
3	189		1	3	5	11	14	27	41	46	41	7.99	95.2	82.01	46.03
4	157	2	0	6	14	41	21	20	25	24	4	6.39	86	46.50	17.83
5	193	2	2	10	39	42	39	32	20	6	1	5.62	72.5	30.57	3.63
<b>TỔNG</b>	<b>895</b>	<b>5</b>	<b>6</b>	<b>22</b>	<b>65</b>	<b>108</b>	<b>92</b>	<b>114</b>	<b>143</b>	<b>184</b>	<b>156</b>	<b>7.37</b>	<b>89.1</b>	<b>66.70</b>	<b>37.99</b>

KHỐI	Tổng số học sinh tham gia KT	KHOA HỌC													
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	Điểm trung bình	Tỉ lệ trên TB (%)	Tỉ lệ điểm 7 trở lên (%)	Tỉ lệ điểm 9,10 (%)

4	156					5	5	13	19	43	71	8.94	100	93.6	73.1
5	191	1			4	14	42	44	39	37	10	7.29	97.4	68.1	24.6
<b>TỔNG</b>	<b>347</b>	<b>1</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>4</b>	<b>19</b>	<b>47</b>	<b>57</b>	<b>58</b>	<b>80</b>	<b>81</b>	<b>8.03</b>	<b>98.6</b>	<b>79.5</b>	<b>46.4</b>

KHỐI	Tổng số học sinh tham gia KT	ĐIỂM LSĐL													
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	Điểm trung bình	Tỉ lệ trên TB (%)	Tỉ lệ điểm 7 trở lên (%)	Tỉ lệ điểm 9,10 (%)
4	156					9	11	7	23	58	48	8.63	100	87.18	67.95
5	191		2	2	4	10	30	35	52	48	8	7.48	95.8	74.87	29.32
<b>TỔNG</b>	<b>347</b>	<b>0</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	<b>4</b>	<b>19</b>	<b>41</b>	<b>42</b>	<b>75</b>	<b>106</b>	<b>56</b>	<b>8.00</b>	<b>97.7</b>	<b>80.40</b>	<b>46.69</b>

KHỐI	Tổng số học sinh tham gia KT	ĐIỂM TIẾNG ANH													
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	Điểm trung bình	Tỉ lệ trên TB (%)	Tỉ lệ điểm 7 trở lên (%)	Tỉ lệ điểm 9,10 (%)
1	179					1	3	16	37	65	57	8.86	100	97.8	68.2
2	177					7	13	27	48	63	19	8.15	100	88.7	46.3
3	189	1	0	3	8	15	21	19	26	38	58	7.97	93.7	74.6	50.8
4	156		1		2	6	12	18	15	37	65	8.60	98.1	86.5	65.4
5	192		2	2	6	15	17	27	30	42	51	7.96	94.8	78.1	48.4
<b>TỔNG</b>	<b>537</b>	<b>1</b>	<b>3</b>	<b>5</b>	<b>16</b>	<b>36</b>	<b>50</b>	<b>64</b>	<b>71</b>	<b>117</b>	<b>174</b>	<b>8.15</b>	<b>95.3</b>	<b>79.3</b>	<b>54.2</b>

KHỐI	Tổng số học sinh tham gia KT	ĐIỂM TIN													
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	Điểm trung bình	Tỉ lệ trên TB (%)	Tỉ lệ điểm 7 trở lên (%)	Tỉ lệ điểm 9,10 (%)
1	180					8	5	41	40	52	34	8.25	100	92.8	47.8
2	179					3	6	16	35	51	68	8.84	100	95	66.5
3	188					6	13	15	35	45	74	8.71	100	89.9	63.3
4	153			1	2	6	14	25	25	46	34	8.20	98	85	52.3
5	192				2	2	3	17	25	49	94	9.04	99	96.4	74.5
<b>TỔNG</b>	<b>533</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>1</b>	<b>4</b>	<b>14</b>	<b>30</b>	<b>57</b>	<b>85</b>	<b>140</b>	<b>202</b>	<b>8.68</b>	<b>99.1</b>	<b>90.8</b>	<b>64.2</b>



**LỊCH CỤ THỂ TUẦN 19**  
**Từ ngày 19/01 đến ngày 25/01/2026**

<b>NGÀY</b>	<b>SÁNG</b>	<b>CHIỀU</b>
<b>Thứ hai 19/01</b>	Chào cờ, trưng bày, giới thiệu sản phẩm Stem các tổ khối, môn chuyên. Lên lớp Thực hiện chương trình học kì 2 Kiểm tra hồ sơ tổ, cá nhân khu A	Lên lớp
<b>Thứ ba 20/01</b>	Lên lớp Kiểm tra hồ sơ tổ, cá nhân khu B	Lên lớp
<b>Thứ tư 21/01</b>	Lên lớp	Lên lớp
<b>Thứ năm 22/01</b>	Lên lớp	Lên lớp
<b>Thứ sáu 23/01</b>	Lên lớp	SHCM tại khu A
<b>Thứ bảy 24/01</b>		